

Đà Nẵng, ngày 08 Tháng 07 Năm 2022

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công Ty

Trung Tâm Y Tế Quận Liên Chiểu đang có nhu cầu mua sắm các sản phẩm để phục vụ công tác chuyên môn. Chúng tôi rất mong Quý Công Ty chào giá các sản phẩm sau:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính
1	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh hoặc huyết tương. Phương pháp: Đo quang theo phương pháp biuret. Ngưỡng đo: 14 g/dL. Giới hạn phát hiện: 0.05 g/dL. Thành phần: R1: Sodium hydroxide 100 mmol/L, Potassium sodium tartrate 17 mmol/L, R2: Sodium hydroxide 500 mmol/L, Potassium sodium tartrate 80 mmol/L, Potassium iodide 75 mmol/L, Copper sulphate 30 mmol/L. .	Hộp
2	Kit xét nghiệm Total Triiodothyronine (T3), phương pháp Elisa	Thuốc thử sử dụng cho xét nghiệm định lượng kháng nguyên hormone T3 trong huyết thanh người Nguyên lý: EIA cạnh tranh Thành phần MIC 12 dãy giếng, mỗi dãy 8 giếng bê được, đã phủ kháng thể kháng T3 CAL A - F Mẫu chuẩn 6x2.0ml, sẵn dùng, trong huyết thanh người với nồng độ T3 là: 0 (A), 0.5 (B), 1.0 (C), 2.5 (D), 5.0 (E) và 7.5 (F) ng/ml CON 1.5 ml. Liên kết kháng thể Enzyme . T3-HRP-conjugate. In a protein stabilising matrix 1 % C-DIL 13 ml Dung dịch đệm liên kết đệm phosphate WS 20 ml Dung dịch rửa Nồng độ khoảng 1000 ml. Muối đệm TRIS 250 mmol/l SUB 14 ml Dung dịch cơ chất 3,3', 5,5'-tetramethylbenzidine (TMB) 0.55 g/l Urea Hydrogen peroxide 0.03%. Dung dịch đệm Sodium Acetate 0.05 mol/l STOP 7.5 ml Dung dịch ngưng phản ứng Sulphuric acid 0.5 mol/l Độ ổn định đến ngày hết hạn dùng khi chưa mở nắp. Mẫu thử huyết thanh hoặc huyết tương (chống đông EDTA hoặc Heparin). Độ nhạy khoảng 0.05 ng/ml.	Hộp
3	Kit xét nghiệm Total Thyroxine (T4), phương pháp Elisa	Thuốc thử sử dụng cho xét nghiệm định lượng kháng nguyên hormone T4 trong huyết thanh người. Nguyên lý: EIA cạnh tranh Thành phần: [MIC] 12 dải vi phẩm. 8 rãnh bê được, bọc anti-T4. [CAL] A - F mẫu định chuẩn. 6x2.0ml sẵn dùng, trong huyết thanh người, mức T4: 0 (A), 2 (B), 5 (C), 10 (D), 15 (E), and 25 (F) µg/dl [CON] 1.5 ml liên kết kháng thể Enzyme. T4-HRP-conjugate, In a protein stabilising matrix 1 %	Hộp

		[C-DIL] 13 ml Dung dịch đệm liên kết. đệm phosphase [WS] 20 ml dung dịch rửa. nồng độ khoảng 1000 ml. Muối đệm Tris 250 mmol/l [SUB] 14 ml dung dịch cơ chất . 3,3', 5,5'-tetramethylbenzidine (TMB) 0.55 g/l , urea Hydrogen peroxide 0.03%. dung dịch đệm Sodium acetate 0.05 mol/l [STOP] 7.5 ml dung dịch ngưng. Sulphuric acid 0.5 mol/l . Độ ổn định đến ngày hết hạn dùng khi chưa mở nắp. Mẫu thử huyết thanh hoặc huyết tương (chống đông EDTA hoặc Heparin). Độ nhạy khoảng 0.22 ug/dl.	
4	Kit xét nghiệm Thyrotrop in (TSH), phương pháp Elisa	Thuốc thử sử dụng cho xét nghiệm định lượng protein TSH trong huyết thanh người Phương pháp: - Direct Antigen-EIA Thành phần: [MIC] 12 dây giếng. 8 rãnh bề được, phủ anti-TSH [CAL] A - F chất chuẩn.6x2.0mlsẵn dùng. Mức TSH: 0 (A), 0.5 (B), 3.0 (C), 6.0 (D), 15.0 (E), and 30.0 (F) mIU/l [CON] 13 ml kháng thể gắn kết Enzyme .sẵn để dùng, pH 6.25 ± 0.1 anti-TSH , HRP-labelled [WS]20x 50 ml dung dịch rửa nồng độ 1000 ml pH 7.2 ± 0.2 dung dịch đệm Tris 10 mmol/l NaCl 8 g/l [SUB] 13 ml dung dịch cơ chất pH 3.6 ± 0.25 .sẵn để dùng, 3,3', 5,5'-tetramethylbenzidine (TMB) 1.2 mmol/l. Hydrogen Peroxide ≤ 6.0 mmol/l [STOP] 15 ml dung dịch ngưng Sulphuric acid 0.5 mol/l Độ ổn định đến ngày hết hạn dùng khi chưa mở nắp. Mẫu thử: huyết thanh. Độ nhạy 0.1 mUI/l.	Hộp
5	Kit xét nghiệm β-HCG, phương pháp Elisa	Khoảng xét nghiệm: 1- 200 mIU/ml Độ nhạy phân tích: < 1 mIU/ml Độ chụm nội xét nghiệm: 8.9%; 4,0 %; 3.4% Độ chụm liên xét nghiệm: 9.9%; 7.3%; 6.6% Độ thu hồi: 89 % - 100 % Độ tuyến tính: 90 % - 108,0% Độ ổn định: 2-8oC trong một năm	Hộp
6	Nẹp mắt xích các cỡ	Nẹp dày 2.5mm, rộng 10mm, dùng vít xương cứng đường kính 3.5mm và 4.0mm, có từ 5 đến 22 lỗ, dài từ 58 đến 262mm. Và loại nẹp dày 2.5mm rộng 11mm, có từ 4 đến 14 lỗ, nẹp dài từ 59 đến 219mm. Chất liệu thép không gỉ.	cái
7	Vít chốt đỉnh nội tủy xương chày, xương đùi các cỡ	Loại vít tự tạc rô, đường kính vít 4.5mm và có chiều dài từ 25mm đến 75mm. Đầu bắt vít và đầu cổ mũ vít đều có ren, đoạn giữa thân vít là trơn. -- Đồng bộ với đỉnh nội tủy có chốt. Tiêu chuẩn FDA, chất liệu thép không gỉ. Có 4 lỗ bắt vít (2 lỗ bắt đầu gần, 2 lỗ bắt đầu xa),đỉnh đặc đỉnh gấp góc ở đầu gần. Đầu xa trơn nhọn, thân đỉnh trơn. Đường kính đỉnh từ 8mm đến 12mm, chiều dài đỉnh từ 220mm đến 420mm" (Gửi kèm hàng mẫu khi có yêu cầu)	cái
8	Phim X-Quang (35x43 cm)	Kích thước 35x43 cm. Bảo quản ở nhiệt độ: 10-25oC. Công nghệ in laser. 'Độ phân giải: 508 DPI, Độ tương phản: 14 bit. Hình ảnh thể hiện trên phim sau khi in ra phải rõ, sắc nét, độ tương phản và độ bền cao cho ra những hình ảnh xác thực, tương đương với hình ảnh hiển thị trên hệ thống máy CT-Scan.	tấm

Thời gian gửi báo giá: Chậm nhất đến hết ngày 15 tháng 07 năm 2022

Địa chỉ nhận báo giá: Khoa Dược – Trung Tâm Y Tế Quận Liên Chiểu, Số 525 Tôn Đức
Thắng, Hoà Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng.

Nơi nhận:
Như trên;
Lưu: VT

GIÁM ĐỐC



BS. Lê Văn Sỹ

